

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày **06-02-2026**

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Phượng và anh Long”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Lê Xuân Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 **tháng 02 năm 2026**, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị P, sinh ngày 14/03/1992, căn cước công dân số 036192007138, cấp ngày 17/11/2025, nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã C, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N, tỉnh Ninh Bình; “xin vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 12/08/1986, căn cước công dân số 036086005274, nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã C, tỉnh Ninh Bình; “vắng mặt”.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 30/11/1965; nơi thường trú: Thôn N, xã C, tỉnh Ninh Bình; (mẹ đẻ anh L) “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đồng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ ngày 25 tháng 9 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, anh L đánh chị khi chị có bầu. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị P xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/03/2013 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 05/02/2015. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh L và bố mẹ đẻ anh L. Hằng ngày chị vẫn đưa đón các con đi học và chu cấp đầy đủ tiền cho các con ăn học. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại chị P làm công việc tự do thu nhập từ 10 triệu -15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ chung: chị P xác nhận vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn L các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 217/TB-TLVA ngày 11 tháng 12 năm 2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác. Anh L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị N, mẹ đẻ anh Nguyễn Văn L, trình bày: Anh L và chị P có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28-12-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (cũ). Quá trình chung sống một thời gian thì giữa chị P và anh L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên chị P đã bỏ nhà đi khoảng 7 năm nay. Nay chị P xin ly hôn anh L, bà cũng đã nhận được các văn bản mà Tòa án gửi cho anh L về việc chị P xin ly hôn anh L, bà cũng đã thông báo cho anh L được biết. Anh L đã biết việc chị P xin ly hôn, anh L có ý kiến cũng nhất trí ly hôn. Nhưng hiện công việc bận anh L không về được để đến Tòa án làm việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh L và chị P có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày

05/03/2013 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 05/02/2015. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh L và vợ chồng bà nhưng chị P vẫn chu cấp tiền để anh L và ông bà nội nuôi dưỡng các con. Anh L có ý kiến với bà N nếu các con muốn ở với anh L thì anh L sẽ nuôi dưỡng, các con muốn ở với chị P thì chị P nuôi dưỡng. Trường hợp chị P nhận nuôi cả hai con chung thì anh L cũng nhất trí. Anh L và chị P không có tài sản chung và cũng không vay nợ ai.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn của anh L và chị P tại nơi cư trú, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau: Chị Đồng Thị P, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 28-12-2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã C, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống giữa anh L và chị P mâu thuẫn vợ chồng như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Anh L và chị P có hai con chung. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì lý do công việc bận nên chị P có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị P và anh L mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đồng Thị P, xử ly hôn giữa chị Đồng Thị P và anh Nguyễn Văn L. Về con chung, chị Đồng Thị P và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/03/2013 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 05/02/2015. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh L. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị P, anh L và nguyện vọng của các con chung. Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Đồng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thành N1. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị P. Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm, chị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Anh Nguyễn Văn L là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L và chị P là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đồng Thị P và anh Nguyễn Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Ninh Bình) cho đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc do do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh L có bạo lực với chị P. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh L và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh L là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do tính cách không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả chị P và anh L không còn liên lạc gì với nhau. Hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được tổng đạt và biết việc chị P xin ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, anh L có ý kiến thông qua mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N anh L có biết việc chị P xin ly hôn anh và anh cũng nhất trí ly hôn. Chứng tỏ bản thân anh L cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị P. Do đó, từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị P đối với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị P và anh L có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/03/2013 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 05/02/2015. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với anh L. Khi ly hôn chị P có

nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Phía anh L không trực tiếp có ý kiến nhưng thông qua bà N là mẹ đẻ, anh L ý kiến nếu các con muốn ở với bố hay mẹ anh tôn trọng các con. Trường hợp chị P nhận nuôi cả hai con chung thì anh L cũng nhất trí. Xét nguyện vọng, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của hai bên và nguyện vọng của các con chung thì thấy: Mặc dù hai con chung đang ở cùng anh L nhưng hằng ngày chị vẫn đưa đón các con đi học và chu cấp đầy đủ tiền cho các con ăn học, hiện chị P đang làm công việc tự do, thu nhập khoảng 10-15 triệu đồng/tháng. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, ổn định và sự phát triển mọi mặt của con chung nên giao con chung Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thành N1 cho chị Đồng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Việc chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị P không yêu cầu Toà án giải quyết, anh L không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản tài chung, công nợ chung.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đồng Thị P và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 05/03/2013 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 05/02/2015 cho chị Đồng Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị P (do chị P không yêu cầu). Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Hiện tại, cháu Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thành N1 đang ở cùng với anh L. Anh L có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thành N1 cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc khi chị P có yêu cầu.

3. Án phí: Chị Đồng Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu số 0003587 ngày 11 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị P và anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9, tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 9 - Ninh Bình;
- UBND xã Cổ Lễ, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thuý Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hà Lê Xuân H1

